

**Mẫu số 03/ĐP**  
**UBND TỈNH ĐẮK LẮK**

**Phụ lục**  
**Phân công nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển thống kê Việt Nam**  
**giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**  
*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /5/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk)*

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
<b>I</b>	<b>CÁC NHÓM NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP</b>						
<b>1</b>	<b>Hoàn thiện thể chế, đổi mới mô hình tổ chức, phát triển nguồn nhân lực</b>	<b>01</b>					
1.1	Hoàn thiện thể chế	011					
1.1.2	Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư rà soát, kiến nghị sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê	0112	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cục Thống kê; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, đơn vị liên quan	Theo kế hoạch của Trung ương	2022	Văn bản đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung liên quan đến Luật Thống kê và các văn bản hướng dẫn thi hành của Bộ, ngành Trung ương
1.1.2.8	Triển khai áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê	01128	Cục Thống kê	Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, đơn vị liên quan	2022	2030	Các văn bản chỉ đạo, triển khai thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 theo hướng dẫn của các cơ quan Trung ương
1.3	Phát triển nguồn nhân lực	013					
1.3.1	Thu hút, trọng dụng nhân lực trình độ cao, chuyên nghiệp cho công tác thống kê	0131	Sở Nội vụ	Cục Thống kê; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, đơn vị liên quan		Hàng năm	

1.3.1.1	Xây dựng tiêu chí, tiêu chuẩn nhân lực chất lượng cao trên địa bàn tỉnh	01311	Sở Nội vụ	Cục Thống kê; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, đơn vị liên quan	Quý IV/2022	Quý IV/2023	Quyết định của UBND tỉnh ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn nhân lực chất lượng cao.
1.3.1.2	Xây dựng kế hoạch tuyển dụng, tiếp nhận nhân lực chất lượng cao trên địa bàn tỉnh	01312	Sở Nội vụ	Cục Thống kê; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, đơn vị liên quan		Hàng năm	Quyết định của UBND tỉnh ban hành kế hoạch tuyển dụng, tiếp nhận nhân lực chất lượng cao
1.3.2	Tăng cường huy động và sử dụng các chuyên gia, nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin	0132	Cục Thống kê	UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, đơn vị liên quan		Hàng năm	Chính sách, chế độ huy động và sử dụng các chuyên gia, nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin; Số lượng chuyên gia nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin được huy động từ bên ngoài tham gia vào các hoạt động thống kê
1.3.3	Ưu tiên sử dụng nhân lực tại chỗ cho công tác thống kê đối với các vùng khó khăn	0133	Cục Thống kê	UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, đơn vị liên quan		Hàng năm	Số lượng công chức làm việc tại các đơn vị thuộc địa phương vùng khó khăn
1.4	Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực	014	Sở Nội vụ	Cục Thống kê; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, đơn vị liên quan			
1.4.5	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho những người làm công tác thống kê tại sở, ngành và địa phương	0145	Cục Thống kê	UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, đơn vị liên quan	2023	2030	
1.4.5.1	Rà soát, tổng hợp thực trạng nguồn nhân lực tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh	01451	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022	2023	Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá thực trạng nguồn nhân lực tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh
1.4.5.2	Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCC hàng năm, 5 năm	01452	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022	2023	Quyết định của UBND tỉnh ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCC hàng năm, 5 năm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk
1.4.5.3	Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng CBCC theo kế hoạch	01453	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố		Hàng năm	- Số lượng khóa đào tạo, bồi dưỡng; - Số lượng học viên được đào tạo, bồi dưỡng theo tiểu ngạch, vị trí việc làm.
1.4.5.4	Cử CBCC, VC tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ thống kê do Tổng cục Thống kê tổ chức	01454	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố		Theo kế hoạch cụ thể của Tổng cục Thống kê	Số lượng CBCCVC được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng

2	<b>Xây dựng, hoàn thiện, ban hành và áp dụng các tiêu chuẩn, quy trình, mô hình thống kê</b>	<b>02</b>					
2.2	Triển khai áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn thống kê	022					
2.2.3	Áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn thống kê	0223	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2025	2030	Tiêu chuẩn thống kê được triển khai áp dụng thống nhất
2.4	Triển khai áp dụng thống nhất các quy trình sản xuất thông tin thống kê	024	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2024	2030	Các quy trình sản xuất thông tin thống kê được triển khai áp dụng thống nhất
<b>3</b>	<b>Hiện đại hóa hoạt động thu thập, xử lý và quản trị dữ liệu</b>	<b>03</b>					
3.1	Hiện đại hóa hoạt động thu thập, xử lý dữ liệu	031					
3.1.1	Tăng cường áp dụng phương pháp luận tiên tiến, hiện đại; đa dạng hóa hình thức và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong hoạt động thu thập, xử lý dữ liệu thống kê	0311	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022	2030	- Các hệ thống CNTT phục vụ tất cả các bước thu thập, giám sát và xử lý thông tin thống kê; - Đến năm 2030, 100% các cuộc điều tra và tổng điều tra thống kê được thay thế phiếu điều tra giấy bằng phiếu điều tra điện tử.
3.1.1.1	Đa dạng hóa các hình thức thu thập thông tin thống kê	03111	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố		Hàng năm	Ứng dụng các hình thức thu thập thông tin phù hợp, hiệu quả
3.1.1.2	Giám sát thu thập dữ liệu thống kê trực tuyến	03112	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố		Hàng năm	Báo cáo kết quả giám sát thu thập dữ liệu thống kê trực tuyến trên địa bàn tỉnh
3.1.1.3	Ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại trong xử lý thống kê	03113	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố		Hàng năm	Xử lý dữ liệu điều tra trực tuyến; phân tích dữ liệu bằng các phần mềm thống kê hiện đại
3.1.2	Ưu tiên sử dụng dữ liệu hành chính, dữ liệu sẵn có của các cơ quan quản lý nhà nước cho hoạt động thống kê	0312	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022	2030	Số chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn Dữ liệu hành chính
3.1.3	Tích hợp các cuộc điều tra và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong tất cả các bước của quy trình điều tra	0313	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022	2030	- Số lượng các cuộc điều tra trực tiếp được giảm thiểu; - Các hệ thống công nghệ thông tin phục vụ tất cả các bước của quy trình điều tra; - Các giải pháp thông minh (AI) hỗ trợ đối tượng cung cấp thông tin.

4	<b>Đổi mới hoạt động xác định nhu cầu, phân tích, dự báo, biên soạn và phổ biến thông tin thống kê</b>	<b>04</b>					
4.2	Nâng cao chất lượng hoạt động phân tích và dự báo thống kê	042					
4.2.2	Áp dụng khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo thống kê tiên tiến, hiện đại	0422	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022	2030	Số báo cáo/chuyên đề phân tích và dự báo áp dụng khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo thống kê tiên tiến, hiện đại.
4.3	Đổi mới hoạt động biên soạn thông tin thống kê	043					
4.3.1	Đổi mới nội dung biên soạn thông tin thống kê	0431	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022	2030	Số lượng sản phẩm thông tin thống kê được biên soạn từ phương pháp mới
4.3.2	Đổi mới hình thức và ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại vào hoạt động biên soạn thông tin thống kê	0432	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022	2030	Hình thức và công cụ biên soạn thông tin thống kê mới được áp dụng
4.4	Đổi mới hoạt động phổ biến thông tin thống kê	044					
4.4.1	Đa dạng hóa hình thức, nội dung công bố, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê	0441	Cục Thống kê	Báo Đắk Lắk ; Đài PT&TH tỉnh, Công TTĐT tỉnh, Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022	2030	Hình thức, nội dung công bố, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê được đa dạng hóa
9	<b>Tăng cường cơ sở vật chất và huy động các nguồn lực tài chính phục vụ công tác thống kê</b>	<b>09</b>					
9.1	Đảm bảo kinh phí thực hiện CLTK21-30	091					
9.1.1	Dự toán kinh phí thực hiện chiến lược	0911	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố		Hàng năm	- Dự toán kinh phí thực hiện CLTK21-30 hàng năm được phê duyệt; - Kinh phí thực hiện CLPTTK được huy động và phê duyệt.
9.1.2	Huy động nguồn vốn hợp pháp khác bổ sung kinh phí cho hoạt động thống kê nhà nước	0912	Sở Tài chính	Cục Thống kê; Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố		Hàng năm	Kinh phí thực hiện CLPTTK từ các nguồn khác được huy động và phê duyệt để thực hiện Chiến lược.

9.3	Xây dựng trung tâm dữ liệu thống kê tập trung từ nguồn vốn đầu tư công	093			2022	2030	Trung tâm dữ liệu thống kê tập trung được xây dựng
9.3.1	Xây dựng dự toán kinh phí Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia	0931	Cục Thống kê	Sở Tài chính; Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan	2024	2030	Dự toán kinh phí hàng năm thực hiện các hoạt động hoặc nội dung của Đề án được phê duyệt.
9.3.2	Đảm bảo kinh phí thực hiện Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia	0932	Sở Tài chính	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Cục Thống kê; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan	2024	2030	Kinh phí thực hiện Đề án hàng năm được phân bổ.
9.4	Hiện đại hóa cơ sở vật chất, phương tiện và trang thiết bị phục vụ công tác quản lý nhà nước về thống kê	094					
9.4.1	Xây dựng dự toán kinh phí Đề án tăng cường năng lực thống kê quốc gia (Phương tiện và trang thiết bị phục vụ công tác quản lý nhà nước về thống kê)	0941	Cục Thống kê	Sở Tài chính; Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan	2024	2030	- Dự toán kinh phí hàng năm được phê duyệt; - Phương tiện và trang thiết bị làm việc được tăng cường.
9.4.2	Đảm bảo kinh phí thực hiện Đề án tăng cường năng lực thống kê quốc gia	0942	Sở Tài chính	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Cục Thống kê; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan	2024	2030	Phương tiện và trang thiết bị làm việc được tăng cường
<b>II</b>	<b>CÁC HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN, THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ CLTK21-30</b>						
<b>10</b>	<b>Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện chiến lược và tổ chức Hội nghị triển khai thực hiện chiến lược</b>	10					
10.1	Thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo và Tổ thư ký giúp việc thực hiện CLTK21-30 trên địa bàn tỉnh	101					
10.1.2	Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện chiến lược cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	1012	Cục Thống kê	Sở Nội vụ; sở KH và ĐT và các đơn vị có liên quan		Tháng 6/2022	Quyết định thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Chiến lược tỉnh Đắk Lắk
10.2	Xây dựng, cập nhật Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 trên địa bàn tỉnh	102					

10.2.2	Xây dựng, cập nhật Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của địa phương	1022	Cục Thống kê	sở KH và ĐT và các đơn vị có liên quan		Tháng 6/2022; 2026	Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk
10.3	Tổ chức Hội nghị triển khai kế hoạch thực hiện chiến lược	103					
10.3.3	Xây dựng kế hoạch và tổ chức Hội nghị triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh	1033	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố		Tháng 6/2022	01 hội nghị do UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì
<b>11</b>	<b>Tổ chức theo dõi, đánh giá và tổng kết thực hiện Chiến lược</b>	11					
11.3	Xây dựng phần mềm theo dõi thực hiện CLTK21-30	113					
11.3.2	Áp dụng phần mềm theo dõi thực hiện CLTK21-30	1132	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố		Hàng năm	Kết quả thực hiện CLTK21-30 hàng năm được báo cáo trên phần mềm
11.4	Tổ chức theo dõi, đánh giá thực hiện CLTK21-30	114					
11.4.1	Theo dõi thường xuyên quá trình thực hiện CLTK21-30	1141	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố		Hàng năm	Báo cáo theo dõi thực hiện CLTK21-30 hàng năm
11.4.3	Sơ kết thực hiện CLTK21-30	1143	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 9/2025	Tháng 12/2025	Báo cáo sơ kết của địa phương (Từ Tháng 9-12/2025)
11.4.4	Tổng kết thực hiện CLTK21-30	1144	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 7/2030	Tháng 10/2030	Báo cáo tổng kết của địa phương (Từ Tháng 7-10/2030)